

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TRUNG TÂM GDNN-GDTX
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
 Số: /KH-TT.GDNN-GDTX

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày tháng năm

KẾ HOẠCH

Tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, Chuyển đổi số năm học 2021 – 2022, định hướng đến năm 2025

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” và thực hiện Quyết định 4928/QĐ-UBND ngày 07/12/2021 của UBND tỉnh về kiện toàn Ban chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa đã triển khai và chỉ đạo các cơ quan chuyên môn thực hiện trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Thông tư quy định về cơ sở dữ liệu Giáo dục và Đào tạo”;

Căn cứ công văn số 1842/UBND-THNC ngày 14/02/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa về việc thực hiện nhiệm vụ trong công tác Chuyển đổi số trên địa bàn thành phố Biên Hòa;

Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên thành phố Biên Hòa xây dựng kế hoạch chuyển đổi số năm học 2021 – 2022, định hướng đến năm 2025 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Chuyển đổi số trong công tác quản lý, chỉ đạo và thực hiện nhiệm vụ giáo dục là nhiệm vụ trọng tâm, hàng đầu của giai đoạn 2021-2025 nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới, phát triển, nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; trọng tâm là đổi mới chỉ đạo, quản lý công việc, thực hiện các hoạt động chuyên môn trên nền tảng số, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục tại trung tâm.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

a) Phát triển Chính quyền số trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nâng cao hiệu quả quản lý ngành.

- Trên 60% tổng số hồ sơ công việc tại trung tâm được xử lý trên môi trường mạng.

- Sử dụng và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục tỉnh, 100% dữ liệu ngành được chia sẻ với cơ sở dữ liệu dùng chung ngành giáo dục tỉnh và Bộ GDĐT.

b) Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số trong ngành giáo dục

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng mạng internet và đảm bảo hạ tầng mạng băng rộng cấp quang.

- 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên, học viên được bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết trong môi trường số.

- Triển khai giáo dục tích hợp với kiến thức công nghệ số.

- Phổ cập ứng dụng kỹ năng số trong cộng đồng.

- Xây dựng kho học liệu số bao gồm: các bài giảng E-learning, các video bài giảng, các hình ảnh minh họa, các thí nghiệm ảo,... phục vụ các bài học, các chủ đề học tập.

- 70% các đầu số, hồ sơ quản lý trong các cơ sở giáo dục được số hóa.

- Xây dựng Kế hoạch dạy học, phê duyệt Kế hoạch dạy học trên hệ thống, hạn chế việc in Kế hoạch dạy học mà sử dụng các Kế hoạch dạy học được số hóa.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển nền tảng cho Chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi nhận thức

- Nhận thức đúng bản chất Chuyển đổi số trong ngành Giáo dục là quá trình **thay đổi** tổng thể và toàn diện các hoạt động của nhà trường (*phương pháp quản lý giáo dục, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá và các hoạt động giáo dục,...*) dựa trên các công nghệ số (*trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, dữ liệu lớn, điện toán đám mây,...*); áp dụng công nghệ thông tin hiện đại, công nghệ số vào dạy và học nhằm đáp ứng nhu cầu học tập của học sinh, giúp người dạy và người học phát huy tối đa khả năng tư duy, sáng tạo, chủ động.

- Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của CBQL, giáo viên, nhân viên và học viên về vai trò và lợi ích của Chuyển đổi số; triển khai cho CBQL, giáo viên, nhân viên tự nghiên cứu để hiểu về nội dung Chuyển đổi số (tại địa chỉ <https://dx.mic.gov.vn> do Bộ TTTT cung cấp).

- Tăng cường sự tham gia của phụ huynh, tổ chức, công dân cùng góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do Chuyển đổi số mang lại.

- Thúc đẩy việc nghiên cứu, sáng tạo, thử nghiệm các công nghệ số trong giáo dục, sau đó triển khai nhân rộng.

- Triển khai các kênh hỗ trợ trực tiếp, trực tuyến (báo, phát thanh - truyền hình, mạng xã hội,...) để hỗ trợ phụ huynh, học viên, cộng đồng khi sử dụng các dịch vụ giáo dục trực tuyến.

1.2. Xây dựng, phát triển dữ liệu số giáo dục

- Phát triển, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành (CSDL ngành, thư viện điện tử; hồ sơ điện tử,...); thực hiện hiệu quả hệ thống chữ ký số trong trung tâm; ứng dụng các công nghệ dữ liệu lớn (Big Data) trong việc xây dựng, lưu trữ dữ liệu chuyên ngành. Từng bước hoàn thiện hồ sơ điện tử theo quy định.

- Tham gia xây dựng phát triển nền tảng dữ liệu mở về giáo dục, thu thập dữ liệu kết hợp với dữ liệu chia sẻ từ các cơ sở dữ liệu khác hướng tới hình thành hệ sinh thái dữ liệu mở trong ngành Giáo dục tỉnh Đồng Nai.

1.3. Đảm bảo an toàn, an ninh mạng

- Xây dựng quy định về đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo an ninh mạng.

- Triển khai đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của đơn vị theo đúng cấp độ an toàn thông tin của hệ thống thông tin.

2. Phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Tham gia đào tạo cán bộ chuyển đổi số về các công nghệ số áp dụng trong giáo dục và đào tạo (các công nghệ số về dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, xây dựng bài giảng elearning...) làm nòng cốt trong chuyển đổi số giáo dục.

- Tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về việc triển khai chuyển đổi số trong giáo dục; ưu tiên đào tạo qua mạng hoặc kết hợp đào tạo qua mạng, đủ năng lực ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, giảng dạy.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, giáo viên nòng cốt ở cơ sở để triển khai các nội dung chuyển đổi số.

3. Phát triển xã hội số trong công tác GDNN - GDTX

Xây dựng nền tảng chia sẻ thông tin học tập, thông tin giáo dục, nền tảng học tập trực tuyến... dựa trên nền tảng mạng xã hội, cổng thông tin điện tử (tra cứu thông tin kết quả học tập, rèn luyện học sinh;...).

4. Nâng cao chất lượng dạy và học môn Tin học tiếp cận cách mạng công nghiệp 4.0

- Điều chỉnh kế hoạch giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên của trung tâm các môn học, bổ sung nội dung chuyển đổi số, kiến thức mới về công nghệ để CBQL, giáo viên và học viên được tiếp cận:

1.1. Thông tin mạng lưới cơ sở giáo dục thường xuyên gồm: Thông tin về cơ sở giáo dục chính và cơ sở giáo dục khác (nếu có), loại hình giáo dục và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin hệ thống lớp học gồm: Thông tin cơ bản về danh sách lớp học, loại lớp, hình thức học tập, chương trình học, hướng nghiệp và dạy nghề, bán trú và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin đội ngũ gồm: Thông tin cơ bản của cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, giáo viên, nhân viên về thông tin chung, trình độ chuyên môn, quá trình đào tạo và bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật, trình độ tin học, ngoại ngữ, đánh giá chuẩn nghề nghiệp và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin người học gồm: Thông tin về hồ sơ lý lịch, quá trình học tập, kết quả học tập, rèn luyện, sức khỏe và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin cơ sở vật chất và trang thiết bị trong cơ sở giáo dục thường xuyên gồm: Thông tin cơ bản về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và các thông tin khác theo quy định.

- Thông tin tài chính gồm: Thông tin cơ bản về nguồn lực tài chính được cung cấp (nguồn thu), các khoản chi và các thông tin khác theo quy định.

- Các thông tin khác theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan quản lý có thẩm quyền.

5. Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị

- Nâng cấp đường truyền internet, trang thiết bị, phần mềm ứng dụng phục vụ cho ứng dụng CNTT trong quản lý, trong dạy và học, đảm bảo tiêu chuẩn tối thiểu theo yêu cầu về ứng dụng CNTT mức cơ bản.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng; bổ sung, thay thế trang thiết bị phục vụ cho ứng dụng CNTT trong quản lý, trong dạy và học (phòng máy tính, bảng tương tác thông minh, máy chiếu, máy in, máy ảnh, ...); xây dựng giáo dục thông minh (trong quản lý giáo dục, trong hỗ trợ hoạt động dạy và học đáp ứng các yêu cầu về quản lý tập trung, giám sát, liên thông giữa các bộ phận trong đơn vị); đầu tư phòng học trải nghiệm sáng tạo STEM, giáo dục trải nghiệm sáng tạo và nghiên cứu khoa học.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

- Kinh phí ngân sách nhà nước theo khả năng cân đối theo từng năm.

- Sử dụng nguồn kinh phí từ nguồn thu khác của đơn vị để thực hiện chương trình, nhiệm vụ Chuyển đổi số.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

- Thành lập Ban Chỉ đạo chuyển đổi số cấp cơ sở, thực hiện và triển khai kế hoạch chuyển đổi số tại trung tâm.

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị chi tiết, cụ thể bám sát nhiệm vụ, giải pháp, mục tiêu chuyển đổi số của ngành giáo dục, trên cơ sở phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, nguồn lực của địa phương. Tham mưu cho UBND thành phố Biên Hòa trong việc thực hiện kế hoạch chuyển đổi số đáp ứng mục tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số của công tác giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên trên địa bàn thành phố.

- Thực hiện tốt việc tuyên truyền, thay đổi nhận thức cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên, học viên về nhiệm vụ chuyển đổi số trong giáo dục – đào tạo, thích ứng với sự phát triển của xã hội số.

- Báo cáo thường xuyên, định kỳ, đột xuất cho Ban chỉ đạo cấp thành phố việc thực hiện Kế hoạch; các khó khăn, vướng mắc ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ của Kế hoạch. Nghiêm túc thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số theo kế hoạch của Sở Giáo dục & Đào tạo và của UBND thành phố Biên Hòa.

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đã được xác định tại báo cáo này; theo chức năng, nhiệm vụ, đề xuất UBND thành phố xây dựng hoặc phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số của đơn vị, bảo đảm đồng bộ với Kế hoạch của ngành giáo dục. Chủ động lựa chọn các giải pháp triển khai, tổ chức thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn, phát huy tính chủ động, sáng tạo; phối hợp chặt chẽ với bộ phận tham mưu của UBND thành phố và Sở Giáo dục & Đào tạo tỉnh Đồng Nai để kịp thời tham mưu, đề xuất các giải pháp để tháo gỡ những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện tại đơn vị.

- Hàng năm phải chủ động đề xuất nguồn lực để thực hiện chuyển đổi số của đơn vị; chủ động đề xuất, triển khai các chương trình cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số cho toàn bộ cán bộ, viên chức trong đơn vị; bảo đảm bố trí tối thiểu 2% nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng phục vụ chuyển đổi số tại mỗi đơn vị.

Trên đây là kế hoạch tổ chức thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số năm học 2021-2022, định hướng đến năm 2025 của Trung tâm GDNN – GDTX thành phố Biên Hòa, yêu cầu các các tổ chức đoàn thể, cá nhân, các bộ phận có liên quan trong trung tâm căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND TP Biên Hòa;
- Sở GDĐT Đồng Nai (Phòng NV1);
- Phòng VH-TT/TP;
- Ban Giám đốc trung tâm;
- Đoàn TN; tổ Công đoàn;
- Các tổ CM.TT;
- GVCN;
- Lưu: VT, GV.

GIÁM ĐỐC

Võ Ngọc Đức